

# TÁC ĐỘNG CỦA TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT ĐẾN HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ ĐỜI SỐNG KINH TẾ XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN TÂY NAM BỘ

HOÀNG THỊ THU HUYỀN

*Bài viết dựa trên nghiên cứu của tác giả về vấn đề tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ, đặc biệt là những tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp và đời sống kinh tế xã hội nông thôn. Nghiên cứu chỉ ra những tác động tích cực cũng như những tác động trái chiều của tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy tích tụ ruộng đất song song với việc giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh.*

## GIỚI THIỆU

Nói đến nông nghiệp Việt Nam không thể không kể đến Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long), một vùng đất được coi là vựa lúa, trái cây và thủy hải sản của cả nước. Dù được thiên nhiên ưu đãi nhưng kinh tế nông nghiệp và đời sống người nông dân Tây Nam Bộ vẫn còn nhiều khó khăn. So với năm 1998, tỷ lệ hộ nghèo của vùng năm 2013 đã giảm từ 39,6% xuống còn 9,2%<sup>(1)</sup>, nhưng đây vẫn là tỷ lệ khá cao và cao hơn rất nhiều so với vùng Đồng bằng sông Hồng, nơi cũng có điều kiện tự nhiên phù hợp với phát triển nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ dù có quy mô lớn nhất nước, đa phần vẫn là nhỏ lẻ, manh mún, do đó giá trị nông sản không cao và liên tục rơi vào tình trạng “được mùa mất giá”. Để nâng cao đời sống người dân và giá trị

nông sản thì việc sản xuất nông nghiệp trên quy mô lớn và chuyên nghiệp phải được đặt ra, trong đó tích tụ ruộng đất là một trong những điều kiện quan trọng.

Tuy nhiên, tích tụ ruộng đất đã và vẫn đang là vấn đề còn nhiều tranh luận bởi những tác động của nó trong thực tế. Chính vì thế phân tích những tác động của tích tụ ruộng đất trên cả hai khía cạnh kinh tế và xã hội sẽ cho một cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn trong việc ủng hộ tích tụ ruộng đất và các giải pháp thúc đẩy quá trình này ở Tây Nam Bộ.

## 1. TÁC ĐỘNG CỦA TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT ĐẾN HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TÂY NAM BỘ

Tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp được phân tích bằng cả hai phương pháp định lượng và định tính. Đối với phương pháp định lượng, tác giả chủ yếu sử dụng mô hình hồi quy với cơ sở dữ liệu *Khảo sát mức sống hộ gia*

Hoàng Thị Thu Huyền. Thạc sĩ. Trung tâm Kinh tế học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

đình Việt Nam của Tổng cục Thống kê. Phương pháp định tính sử dụng kết quả điều tra thực địa tại tỉnh Long An<sup>(2)</sup> và các tài liệu thứ cấp khác.

1.1. Kết quả phân tích tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ bằng mô hình kinh tế lượng

1.1.1. Xây dựng mô hình kinh tế lượng

Trong kinh tế, để đánh giá hiệu quả sản xuất người ta thường sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas, là một hàm số biểu thị sự phụ thuộc của sản lượng vào các yếu tố đầu vào:

$$Y = AL^{\alpha}K^{\beta}$$

Trong đó: - Y: sản lượng ; - L: quy mô lao động; - K: quy mô vốn

- A: năng suất các yếu tố tổng hợp (công nghệ, thể chế kinh tế và các yếu tố khác ngoài sự đề cập của mô hình)

-  $\alpha$  và  $\beta$ : độ co giãn của sản lượng theo lao động và theo vốn

Để trở thành dạng hàm tuyến tính người ta lấy logarit (Ln) 2 vế.

Mô hình tổng quát như sau:

$$\ln(Y_i) = f(X_k) = \beta_0 + \beta_1 \ln X_1 + \beta_2 \ln X_2 + \beta_k \ln X_k$$

Trong đó:

$\ln(Y_i)$ : biến phụ thuộc, là sản lượng của đơn vị thứ i

$X_1, X_2, \dots, X_k$ : tập hợp các biến số giải thích (quy mô lao động, quy mô vốn, chi phí sản xuất, công nghệ, và các yếu tố khác ảnh hưởng đến sản lượng)

$\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_k$ : là các hệ số hồi quy của mô hình, thể hiện tác động của biến

giải thích lên biến phụ thuộc, theo đó giả định rằng các yếu tố khác cố định, khi yếu tố  $X_k$  tăng lên 1%, thì Y tăng lên một lượng bằng  $\beta_k\%$  so với ban đầu.

Có nhiều tiêu chí để xác định hiệu quả sản xuất nông nghiệp như năng suất, doanh thu, lợi nhuận, hay tỷ lệ giữa chi phí và lợi nhuận hoặc là một chỉ tiêu tổng hợp của các tiêu chí đó. Tuy nhiên, trong nông nghiệp việc đo lường doanh thu, lợi nhuận, chi phí... khó khăn hơn nhiều so với năng suất. Thông thường, câu hỏi “được mùa” hay “mất mùa” (mang ý nghĩa về năng suất) vẫn phổ biến đối với các sản phẩm nông nghiệp, nhất là lúa. Mặt khác, với sự hạn chế của số liệu thứ cấp (*Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam*) thì việc sử dụng Năng suất làm biến phụ thuộc để đo lường hiệu quả sản xuất lúa là chấp nhận được.

Năng suất nông nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, như thời tiết, khí hậu, độ màu mỡ của ruộng đất, nước, giống, phân bón, kỹ thuật gieo cấy, thu hoạch, sự chăm sóc của con người... Do đó thật khó để xây dựng một mô hình với đầy đủ các biến độc lập bao gồm các yếu tố kể trên, nhất là trong điều kiện hạn chế của cơ sở dữ liệu thứ cấp. Mặt khác, mối quan tâm chính của nghiên cứu là tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất lúa. Vì vậy, bên cạnh yếu tố diện tích đất - biến kỳ vọng, trên cơ sở dữ liệu thứ cấp sẵn có, một số các biến số khác được đưa vào để giải thích cho sự thay đổi về năng suất.

Các biến đưa vào mô hình bao gồm những biến thuộc về yếu tố đầu vào của sản xuất: diện tích đất (dientich), chi phí sản xuất (chiphì), tài sản cố định dùng cho sản xuất (tscdsx), thời gian lao động (laodong), là những biến số tất yếu ảnh hưởng đến năng suất lúa (chỉ lưu ý rằng để đảm bảo tính chính xác thì các biến này phải dùng chỉ tiêu bình quân (bq); những biến thuộc về đặc điểm hộ gia đình là giới tính (gioi), tuổi tác (tuoi), thành phần dân tộc (Kinh/Hoa hoặc dân tộc khác), trình độ học vấn của chủ hộ (hocvan) cũng có thể tác động đến hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp. Ngoài ra một số biến thuộc về điều kiện cơ sở hạ tầng và tự nhiên trên địa bàn hộ gia đình cũng được xem xét đưa vào, cụ thể ba yếu tố được lựa chọn là tỷ lệ đất trồng cây hàng năm được tưới tiêu của xã (tuoitieuxa), hệ thống đường ô tô đến thôn ấp (gt1: trường hợp đường thủy không quan trọng và gt2: trường hợp đường thủy quan trọng) và thiên tai xảy ra trên địa bàn xã (thientai).

Như vậy, dựa trên mô hình lý thuyết, giới hạn phạm vi ngành sản xuất và hộ gia đình sản xuất lúa, đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, đặc điểm sản xuất lúa tại vùng Tây Nam Bộ, đặc điểm hộ gia đình vùng Tây Nam Bộ và khả năng đáp ứng của dữ liệu thứ cấp, mô hình hồi quy xác định tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ được đề xuất như sau:

$$\ln(\text{nangsuat}) = \beta_0 + \beta_1 \ln\text{tuoi} + \beta_2 \ln\text{hocvan} + \beta_3 \text{gioitinh} + \beta_4 \text{kinhhhoa} +$$

$$\beta_5 \ln\text{dientich} + \beta_6 \ln\text{bqtscdsx} + \beta_7 \ln\text{bqlaodong} + \beta_8 \ln\text{bqchiphì} + \beta_9 \text{thientai} + \beta_{10} \text{gt1} + \beta_{11} \text{gt2} + \beta_{12} \ln\text{tuoitieuxa}$$

### 1.1.2. Cơ sở dữ liệu

Một trong những ưu điểm của dữ liệu *Khảo sát mức sống hộ gia đình* 2004, 2006, 2008 là sự lặp lại của mẫu khảo sát, nó mang lại thuận lợi cho việc so sánh và phân tích. Chính vì thế mô hình này sử dụng dữ liệu bảng đối với các hộ trồng lúa được khảo sát lặp lại qua 3 kỳ điều tra trên.

Tuy nhiên, khảo sát *Mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2010* (và sau đó là 2012) được dựa trên một mẫu chuẩn mới, bao gồm một tập hợp các xã và địa bàn điều tra mới và cuộc khảo sát năm 2012 lặp lại 50% mẫu của cuộc điều tra năm 2010. Đây là cơ sở tốt để nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng trong việc chạy mô hình hồi quy. Tuy nhiên, bảng câu hỏi điều tra 2010, 2012 so với năm 2004 - 2008 được điều chỉnh lại trên một số lĩnh vực và được rút ngắn về độ dài, do đó bị khuyết thông tin một số biến xã.

### 1.1.3. Kết quả mô hình hồi quy về tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ

Với cơ sở dữ liệu đã trình bày ở trên, mô hình kinh tế lượng đánh giá tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ được hồi quy theo hai giai đoạn của cơ sở dữ liệu *Khảo sát mức sống hộ gia đình* 2004 - 2008 và 2010 - 2012.

Kết quả hồi quy mô hình MH1A1 cho thấy, có 2 biến có p-value < 0.05 và 1

Bảng 1: Kết quả hồi quy Mô hình với cơ sở dữ liệu 2004 - 2008 (MH1A1)

Số quan sát 137 R-squared hiệu chỉnh 0.2093 Prob > F 0.0000		
Lnangsuat (log năng suất)	Hệ số hồi quy ( $\beta_k$ )	Kiểm định thống kê
Ltuoil (log tuổi)	0.0057175	0.929
Lhocvan (log học vấn)	-0.0198933	0.458
gioitinh (giới tính)	0.0487180	0.371
kinhhwa (dân tộc kinh/hoa)	0.2735094	0.000
Ldientich (log diện tích)	0.0991442	0.010
Lbqtscdsx (log TSCĐ sản xuất bình quân)	0.0309556	0.045
Lbqlaodong (log thời gian lao động bình quân)	0.0528163	0.166
Lbqchphi (log chi phí bình quân)	0.0038901	0.903
thientai (thiên tai xã)	-0.0002256	0.996
gt1 (giao thông 1)	-0.0851667	0.248
gt2 (giao thông 2)	-0.1311024	0.090
Ltuoitieuxa (log tuổi tiêu xã)	0.1033885	0.125

Bảng 2: Kết quả hồi quy Mô hình với cơ sở dữ liệu 2010-2012 (MH1A2)

Số quan sát 456 R-squared hiệu chỉnh 0.2886 Prob > F 0.0000		
Lnangsuat (log năng suất)	Hệ số hồi quy ( $\beta_k$ )	Kiểm định thống kê
Ltuoil (log tuổi)	-0.11781	0.016
Lhocvan (log học vấn)	-0.01548	0.401
gioitinh (giới tính)	0.03106	0.376
kinhhwa (dân tộc kinh/hoa)	0.07003	0.070
Ldientich (log diện tích)	0.10046	0.000
Lbqtscdsx (log TSCĐ sản xuất bình quân)	0.04114	0.000
Lbqlaodong (log t/gian lao động bình quân)	-0.01389	0.505
Lbqchphi (log chi phí bình quân)	0.04037	0.000

biến có p-value < 0.01 nghĩa là phù hợp với mức ý nghĩa thống kê 5% và 1%. Đó là các biến: dân tộc Kinh/Hoa, diện tích và tài sản cố định sản xuất bình quân. Trong đó yếu tố diện tích (đại diện cho việc tích tụ ruộng đất) đạt mức ý nghĩa thống kê 5% và tác động đồng biến đến năng suất lúa.

Các biến có ý nghĩa thống kê còn lại có tác động đến năng suất lúa là

thành phần dân tộc của chủ hộ và tài sản cố định dùng cho sản xuất bình quân trên 1ha. Đây đều là những yếu tố có tác động đồng biến đến năng suất lúa, nhưng tác động này không được đề cập sâu vì đó không phải là mục tiêu chính của nghiên cứu này.

Kết quả hồi quy mô hình MH1A2 cho thấy, có 4 biến có p-value < 0.05 phù hợp với mức ý nghĩa thống kê 5%.

Đó là các biến: tuổi chủ hộ, diện tích đất, tài sản cố định sản xuất bình quân và chi phí sản xuất bình quân. Trong đó yếu tố diện tích (đại diện cho việc tích tụ ruộng đất) tác động tích cực theo chiều đồng biến đến năng suất lúa.

Các biến có ý nghĩa thống kê còn lại có tác động đến năng suất lúa là tuổi của chủ hộ, tài sản cố định dùng cho sản xuất bình quân trên 1ha và chi phí sản xuất bình quân trên 1ha. Tuổi chủ hộ tác động nghịch biến đến năng suất, hai biến còn lại tác động đồng biến. Cũng tương tự như mô hình MH1A1, các yếu tố này không được phân tích sâu ở đây.

#### *Kết luận về kết quả hồi quy*

Như vậy, với cơ sở dữ liệu không tương đồng ở một số điểm ở hai giai đoạn khác nhau của Khảo sát mức sống hộ gia đình 2004 - 2008 và 2010 - 2012, kết quả cả hai mô hình MH1A1 và MH1A2 cho thấy diện tích đất sản xuất tác động tích cực đến năng suất, với mức tác động gần bằng nhau.

Từ đây có thể kết luận: tích tụ ruộng đất là một yếu tố tác động tích cực đến hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp.

1.2. Kết quả khảo sát thực địa và tài liệu thứ cấp về tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ

1.2.1. Mối quan hệ giữa tích tụ ruộng đất và quy mô ruộng đất

Mô hình định lượng đã chứng minh được khi quy mô ruộng đất lớn hơn thì năng suất cao hơn. Nhưng hiệu quả sản xuất còn thể hiện ở nhiều chỉ

tiêu khác, đó là chất lượng sản phẩm tốt hơn, giá bán cao hơn, chi phí thấp lợi nhuận cao, thời gian lao động bình quân ít hơn...

Một số hộ gia đình sở hữu nhiều ruộng đất, từ khoảng 10ha đều là những hộ có năng suất lúa rất cao. Bên cạnh đó, đa số những hộ gia đình được phỏng vấn đều cho rằng người nhiều ruộng đất thì có thu nhập cao hơn người ít ruộng, nhờ vào diện tích lớn và chi phí bình quân trên 1ha sẽ thấp hơn, trong khi giá bán cao hơn. Ngoài ra còn có nhiều điều kiện thuận lợi khác, nói chung là “dễ làm” và “có lợi” hơn như cách nói của người nông dân.

Ông N.C.T, xã Vĩnh Bình, Vĩnh Hưng cho biết: “Điều kiện gia đình hiện nay 40ha vẫn làm được do có máy móc làm ruộng, diệt cỏ bằng hóa học, ruộng do có máy móc can đều nên sạ lúa lên đều đỡ tốn công dặm lúa. Mà càng nhiều làm càng dễ, càng có lợi thế vì người 10 mẫu sản lượng 70-80 tấn kê thương lái lại mua có mắc hơn 50-100đồng thương lái cũng vẫn mua do cùng một loại lúa và trên ruộng lớn việc sử dụng phân bón đồng loại nên tỷ lệ chênh lệch của hạt lúa không nhiều”. Khi được hỏi thêm về tình hình làm ăn của bà con chòm xóm, ông cũng cho biết thêm: “Một số hộ gia đình trẻ, ở chung với bố mẹ chưa được cho ruộng nhưng sau này nếu được chia cũng được vài công. Những người nhiều đất thì có thể chia cho con cái nhưng ít thì không thể chia vì chia thì làm lúa sẽ không hiệu quả trên ruộng nhỏ. Việc cho ruộng

vài công đôi khi để phục vụ cho việc tách hộ khẩu. Muốn tách khẩu phải có 2 công ruộng trở lên mới được chính quyền làm”.

Ông V.V.K, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường chia sẻ về cái lợi của nhiều ruộng đất: “Cả gia đình canh tác trên 13 mẫu ruộng không liền canh, tập trung ở bốn nơi. Làm lúa hai vụ, năm vừa qua vụ đông xuân năng suất đạt 7 tấn/ha, gia đình bán lúa trừ chi phí lời khoảng 150 triệu. Vụ hè thu năng suất đạt 5,3 tấn/ha bán lúa lời khoảng 70 triệu. Với điều kiện sản xuất hiện nay của gia đình thì làm 30 mẫu là vừa. Ai có nhiều ruộng thì có lời nhiều nhờ sản lượng đầu tấn lúa bán ra. Vì nếu bán nhiều, tập trung thì có thể cao hơn 10-50 đồng so với những người bán ít, nhỏ lẻ. Gia đình ông mua vật tư ở một mối từ trước tới nay sát giá và rẻ hơn người khác, đôi khi người phân phối có thể tặng quà cho hộ mua các vật dụng gia đình như tivi, tủ lạnh... hoặc cuối vụ có thể được tài trợ đi du lịch”.

Nhóm chủ hộ 5 người tại xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường cũng thống nhất khẳng định: “Canh tác trên diện tích lớn rất nhàn, tất cả đều có thể thuê máy móc làm, hiện nay có rất nhiều loại máy móc (máy cày, máy bơm, máy phun thuốc, máy gặt đập...). Giá cả thuê máy móc, nhân lực, hay mua vật tư phân bón đều rẻ hơn do số lượng nhiều, trong khi bán lúa dễ dàng hơn và giá cũng cao hơn”.

Khi phỏng vấn cán bộ các cấp tại địa phương, họ cũng đều có chung nhận

định các hộ gia đình tích tụ được nhiều ruộng đất làm ăn rất hiệu quả.

Cán bộ khuyến nông xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường phân tích: “Diện tích nhiều bán lúa dễ hơn vì thường giống lúa các hộ gia đình có thể khác nhau, thương lái thay vì phải mua của 3 đến 4 hộ mới đủ số lượng thì chỉ cần mua của một hộ có 3 đến 4 mẫu ruộng. Hơn nữa các hộ có nhiều ruộng thường đầu tư mua máy móc nông nghiệp, chi phí về máy móc ít hơn phải đi thuê máy móc, ngoài ra còn dùng máy móc đó cho thuê kiếm thêm một khoản thu nhập khá cao”.

Tuy nhiên, diện tích lớn năng suất cao không đồng nghĩa với diện tích nhỏ năng suất thấp. Năng suất còn phụ thuộc rất nhiều vào sự cần cù, cẩn thận, tinh ý, nhanh nhẹn của người sản xuất trực tiếp... hay nói như người dân Tây Nam Bộ thường nói là “làm lữ”. Ông T.V.Đ xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường cho hay: “Người ít ruộng nhưng nếu làm kĩ vẫn có thu. Mình có nhiều ruộng nếu không quản hết thì năng suất không bằng người ít ruộng”.

Vậy diện tích lớn ở mức nào thì sản xuất có lãi? Theo Lâm Quang Huyền (2002, tr. 44), muốn sản xuất hàng hóa có lời phải có từ 3ha/hộ, còn từ 2-3ha có lời chút ít, 1ha thì hòa vốn, dưới 1ha thì lỗ vốn. Hiện nay, với giá lúa không ổn định và nhiều thời điểm không đủ bù đắp chi phí thì hộ nông dân có diện tích canh tác lớn còn có khả năng bám trụ với nghề trồng lúa, còn những hộ có diện tích manh mún,

nhỏ lẻ hơn thì cầm chắc một vụ mùa thua lỗ. “Anh Đỗ Văn Nhánh ở ấp Hà Bao 1, xã Đa Phước, huyện An Phú chỉ có năm công ruộng, qua mấy vụ thất thu đành phải bán ruộng, vợ chồng lên thành phố làm thuê kiếm sống, nuôi con ăn học. Hộ gia đình anh Đỗ Văn Dũng cùng ở ấp Hà Bao 1 cũng đã bán lại tám công ruộng do thu không đủ chi, nợ nần do trồng lúa thua lỗ. Tới nhà anh nhưng không gặp vì vợ chồng đều lên thành phố làm thuê, mẹ anh sụt sùi: ‘Vợ chồng nó cũng không muốn bán ruộng đâu nhưng cực quá mà làm cứ thua hoài, nợ ngân hàng rồi nợ cả bà con hàng xóm không trả được cho nên bán ruộng trả nợ trước rồi ra thành phố kiếm sống. Tội lắm, muốn giữ đất mưu sinh mà đâu có được’...” (Ánh Tuyết, 2013).

Lý thuyết lợi thế theo quy mô trong nông nghiệp cho là với quy mô diện tích đất đai lớn hơn, hộ nông dân dễ dàng áp dụng cơ giới hóa, thủy lợi hóa cũng như việc tổ chức sản xuất hàng hóa có lợi thế hơn rất nhiều với các hộ nông dân có diện tích đất đai nhỏ lẻ, manh mún. Mô hình hồi quy và những kết luận có được từ cuộc khảo sát định tính của đề tài đã khẳng định quan điểm này. Ở vùng Tây Nam Bộ tích tụ ruộng đất có tác động tích cực đến hiệu quả sản xuất. Cụ thể tích tụ ruộng đất làm tăng sản lượng, giảm chi phí, tăng lợi nhuận và những lợi ích vật chất khác cho người sản xuất. Tích tụ ruộng đất cũng là một trong những yếu tố làm tăng thu nhập hộ gia đình, hộ gia đình sống được và có

thể làm giàu được khi có nhiều ruộng đất.

### 1.2.2. Mối quan hệ giữa tích tụ ruộng đất và ruộng đất liền canh

Quy mô lớn đi cùng với liền canh mới thật sự phát huy nguyên tắc lợi thế theo quy mô. Trong sản xuất nông nghiệp, ruộng đất liền canh giúp giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận vì nó thuận lợi trong việc làm đất, sử dụng giống, thu hoạch, tiêu thụ sản phẩm... Ông T.V.S, xã Vĩnh Trị, huyện Vĩnh Hưng, hiện có 6 mẫu ruộng, ông cũng bắt đầu tích tụ đất từ việc khai hoang, sau đó mua thêm dần và có lần mua là để đổi đất cho liền canh (cả người bán cũng với lý do này): “Năm 1993 mua hơn 2 mẫu giá 1 cây vàng, mua chịu 2/3 rồi trả dần bằng vàng, sau 2 năm mới trả hết. Năm 1997 mua hơn 2 mẫu (mua đổi đất)”. Ông P.V.H, xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường, hiện có 13 mẫu ruộng (3 mẫu ở Bình Tân, số còn lại ở Thạnh Hưng) khẳng định: “Có vay mượn cũng phải mua đất cho liền thửa”. Ông T.V.Đ, xã Bình Tân, Kiến Tường, có 12 mẫu đất trong đó có 6 mẫu ở Vĩnh Hưng. Ông nói lý do mua đất là: “Mua cho liền ruộng”. Còn ông N.T.C, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng thì cho biết: “Từ trước tới nay gia đình không bán ruộng, chỉ có mua đổi ruộng để được gần nhà và liền canh. Hiện chủ nhà có một thửa ruộng liền canh khoảng 10 mẫu”.

Tuy nhiên, do ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được của nông nghiệp và do đặc điểm sản xuất mang tính sinh học nên lợi thế

kinh tế theo quy mô trong nông nghiệp bị hạn chế hơn so với trong công nghiệp. Hiện nay, năng suất lúa ở vùng Tây Nam Bộ đã là khá cao. Vấn đề là năng suất cao nhưng giá trị hạt gạo xuất khẩu thì chưa cao. Do đó, việc sử dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến đại trà để cho hạt lúa có chất lượng đồng đều là điều hết sức cần thiết bên cạnh việc tăng năng suất. Và để có được cả hai mục tiêu năng suất và chất lượng thì chỉ có con đường sản xuất lớn trên những diện tích lớn mà tích tụ ruộng đất là một phương cách.

## 2. TÁC ĐỘNG CỦA TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ XÃ HỘI NÔNG THÔN TÂY NAM BỘ

Kết quả của cuộc *Khảo sát mức sống dân cư* từ năm 2004 đến năm 2012 của Tổng cục Thống kê với nhiều câu hỏi liên quan đến ruộng đất, sản xuất, thu nhập... đã phản ánh phần nào tác động của tích tụ ruộng đất với đời sống xã hội Tây Nam Bộ. Kết hợp với cuộc khảo sát định tính của đề tài được tiến hành vào tháng 9/2013 tại Long An và các tài liệu thứ cấp khác, đã làm rõ nhiều tác động của tích tụ ruộng đất đến đời sống xã hội nông thôn Tây Nam Bộ.

### 2.1. Tích tụ ruộng đất góp phần nâng cao đời sống của hộ gia đình

Tích tụ ruộng đất ở Tây Nam Bộ đã diễn ra từ khá lâu, như một lẽ tự nhiên. Khảo sát thực địa cho thấy người dân luôn có tư tưởng tích tụ, mua thêm ruộng đất khi có thể. Thực tế là những hộ giàu đa phần là những hộ nhiều

đất và theo vòng quay, đó những hộ có điều kiện lại càng tích tụ thêm ruộng đất.

Hộ gia đình ông V.V.K, xã Tuyên Thạnh, Kiến Tường canh tác trên 13 mẫu ruộng không liền canh, tập trung ở 4 nơi. Làm lúa 2 vụ, năm vừa qua vụ đông xuân năng suất đạt 7 tấn/ha, gia đình bán lúa trừ chi phí lời khoảng 150 triệu. Vụ hè thu năng suất đạt 5,3 tấn/ha, bán lúa lời khoảng 70 triệu. Gia đình cũng có nhiều máy móc công cụ sản xuất nông nghiệp như máy cày, máy cắt, máy gặt đập liên hợp công suất nhỏ... Máy móc nông nghiệp ngoài việc làm cho gia đình ông và người con trai cũng làm dịch vụ ngoài. Mỗi vụ làm dịch vụ ngoài khoảng 50 mẫu trong xã. Sau khi trừ chi phí dầu, nhớt, nhân công... mỗi vụ cũng dư khoảng 15 triệu. Kinh tế gia đình cũng khá lên từ khi mua máy gặt.

Hộ gia đình N.C.T, xã Vĩnh Bình, Vĩnh Hưng làm lúa trực tiếp trên 20 mẫu một năm 2 vụ. Năm 2002- 2013 trồng 3 loại lúa, năng suất vụ đông xuân lúa thơm đạt 7,8 tấn/ha lúa tươi. Vụ Hè thu năng suất lúa thơm đạt 5 tấn/ha, lúa ngang thì đạt 7 tấn/ha. Vụ Đông xuân sau thu hoạch trừ mọi chi phí thì dư hơn 300 triệu, vụ hè thu còn khoảng dưới 200 triệu. Hiện gia đình có máy gặt đập liên hợp DC60, máy cày dọn đất, máy gặt đập mua hết 515 triệu, làm dịch vụ thêm đã lấy lại vốn. Làm lúa ăn chắc mặc bền, không lời nhiều thì cũng lời ít. Giá lúa xuống thì chi tiêu

ít cũng không đến nỗi. Giá lúa thấp, giá vật tư cao thì chi tiêu phải gói ghém lại. Những hộ gia đình khác chỉ có 1 mẫu ruộng thì chi tiêu thiếu, nhưng chủ hộ nhiều ruộng nên làm lúa có kém cũng không ảnh hưởng nhiều. Năm 2000 xây kho. Năm 2004, xây được nhà do tích lũy nhiều năm, trị giá hiện nay của căn nhà khoảng 500 triệu. Trong thời gian tới, gia đình có thể đầu tư làm lò sấy lúa, vừa phục vụ gia đình vừa làm dịch vụ.

## 2.2. Tích tụ ruộng đất gây ra bất bình đẳng về đất đai

Cuối những năm 1980, khi tập đoàn giải thể, đa phần mỗi nhân khẩu được chia 1,2 mẫu ruộng. Nhưng theo thời

gian, dân số phát triển, việc chia tách hộ, thừa kế, mua bán... làm cho việc sở hữu ruộng đất có sự chênh lệch khá nhiều giữa các hộ gia đình Tây Nam Bộ (xem Bảng 3).

Số liệu diện tích đất trồng cây hàng năm trung bình của từng nhóm hộ gia đình cho thấy sự bất bình đẳng về đất đai. Năm 2004 ở Tây Nam Bộ, nếu như ở nhóm 20% hộ ít đất nhất chỉ sở hữu trung bình 1.748 m<sup>2</sup> đất thì nhóm 20% hộ nhiều đất nhất sở hữu trung bình tới 24.763 m<sup>2</sup>, gấp 14,16 lần. Sự chênh lệch này năm 2006 là 16,83 lần, năm 2008 là 20,92 lần, năm 2010 là 19,84 lần và năm 2012 tăng lên 37,82 lần. So với cả nước những năm 2004 - 2010, diện

Bảng 3: Diện tích sở hữu trung bình của hộ gia đình có sở hữu đất trồng cây hàng năm phân theo 5 nhóm

	Diện tích trung bình (m <sup>2</sup> )				
	2004	2006	2008	2010	2012
<b>Cả nước</b>					
20% hộ ít đất nhất	964	870	862	747	877
20% hộ ít đất	1.933	1.870	1.792	1.630	2.652
20% hộ trung bình	2.965	2.933	2.807	2.623	4.550
20% hộ nhiều đất	4.925	5.034	4.864	4.619	7.535
20% hộ nhiều đất nhất	16.451	17.111	18.176	15.483	24.764
Chênh lệch giữa nhóm ít đất nhất/nhóm nhiều đất nhất	17,06 lần	19,66 lần	21,08 lần	20,73 lần	28,24 lần
<b>Tây Nam Bộ</b>					
20% hộ ít đất nhất	1.748	1.678	1.591	1.317	1.731
20% hộ ít đất	4.010	3.708	3.705	3.206	6.769
20% hộ trung bình	6.609	5.910	6.716	5.619	13.034
20% hộ nhiều đất	10.858	10.096	11.172	10.041	24.888
20% hộ nhiều đất nhất	24.763	28.246	33.295	26.134	65.481
Chênh lệch giữa nhóm ít đất nhất/nhóm nhiều đất nhất	14,16 lần	16,83 lần	20,92 lần	19,84 lần	37,82 lần

Nguồn: *Khảo sát mức sống dân cư năm 2004, 2006, 2008, 2010, 2012* của Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả.

Bảng 4: Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn không có đất, %

	Năm 2010: Tỷ lệ hộ nông thôn không có quyền sử dụng loại đất nào khác ngoài đất thổ cư	Năm 2012: Tỷ lệ hộ nông thôn không có quyền sử dụng loại đất nông nghiệp nào
Cả nước	3,83	17,17
Đồng bằng sông Hồng	2,55	2,87
Đông Bắc	1,43	5,50
Tây Bắc	2,86	3,60
Bắc Trung Bộ	5,19	10,74
Duyên hải Nam Trung Bộ	1,50	16,07
Tây Nguyên	6,18	8,60
Đông Nam Bộ	5,48	28,70
Tây Nam Bộ	6,34	31,65

Nguồn: *Khảo sát mức sống dân cư năm 2010, 2012* - Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả<sup>(3)</sup>.

tích trung bình sở hữu ở các nhóm đều cao hơn nhưng mức độ chênh lệch của vùng Tây Nam Bộ thấp hơn một chút. Tuy nhiên, đến năm 2012 thì diện tích trung bình sở hữu cũng như mức độ chênh lệch cao hơn cả nước khá nhiều (Tây Nam Bộ: 37,82 lần, cả nước: 28,24 lần).

Điều này phản ánh một xu hướng tích tụ ruộng đất mạnh hơn ở Tây Nam Bộ đi kèm với sự bất bình đẳng về đất đai lớn hơn.

### 2.3. Tích tụ ruộng đất làm mất sinh kế làm nông của một bộ phận người dân

Tích tụ ruộng đất cũng có thể coi là quá trình mà đất đai tập trung vào tay người này thì ra khỏi tay người khác. Dù với bất kỳ lý do nào của việc mua bán đất (tự nguyện hay bị ép buộc, hợp lý hay bất hợp lý, chính đáng hay không chính đáng) thì tích tụ ruộng đất vẫn là nguyên nhân gây mất đất của một bộ phận người dân đồng

nghĩa với việc mất đi sinh kế truyền thống.

Theo số liệu Bảng 4, năm 2010, trung bình cả nước có 3,83% số hộ gia đình không có loại đất nào ngoài đất thổ cư, thì Tây Nam Bộ là 6,34%, tức gần gấp đôi so với trung bình của cả nước và cũng là tỷ lệ cao nhất. Đặc biệt nếu so với vùng đồng bằng sông Hồng, nơi chỉ có 2,55% số hộ không có đất. Năm 2012, khi trung bình cả nước có 17,17% số hộ không có đất nông nghiệp thì Tây Nam Bộ có tới 31,65%, một tỷ lệ cao và cũng là cao nhất so với các vùng trong cả nước. Có thể có nhiều lý do khác nhau dẫn đến tỷ lệ hộ không đất ở Tây Nam Bộ cao nhất so với cả nước, như quá trình đô thị hóa, phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ sân golf, du lịch... Nhưng một điều dễ thấy là ở Tây Nam Bộ, tốc độ đô thị hóa và phát triển công nghiệp không bằng một số vùng khác, do đó có thể tích

tụ ruộng đất là một nguyên nhân dẫn đến thực trạng này.

Đặc điểm của Tây Nam Bộ là hộ gia đình ở khu vực nông thôn chiếm đa số. Năm 2012 số hộ nông thôn chiếm 76,06% trong tổng số mẫu điều tra mức sống dân cư, nên 31,65% số hộ nông thôn không sở hữu đất nông nghiệp cũng đồng nghĩa với việc rất nhiều hộ gia đình nông thôn không có sinh kế ổn định và gặp khó khăn trong cuộc sống. Cuộc khảo sát thực địa cũng phản ánh thực trạng này.

Hộ bà T.T.B.C, xã Vĩnh Trị, Vĩnh Hưng. Gia đình hiện nay chỉ có hai vợ chồng. Chủ hộ lập gia đình năm 18 tuổi, được cha mẹ cho 6 công đất, 3-4 năm sau mua thêm được 4 công của mẹ nên được 1 mẫu. Năm 1990 bán hết đất cho họ hàng, được 3 chỉ vàng, dùng để trả nợ và chữa bệnh. Không còn đất, vợ chồng phải đi làm thuê và cấy câu. Hiện nay, gia đình mỗi tháng phải tốn khoảng 360 ngàn tiền mua gạo, vợ chồng sống chủ yếu dựa vào tiền công hằng ngày của chồng, khoảng 100.000 đ/ngày. Thỉnh thoảng vợ cũng đi làm mướn (nhổ cỏ, giặm lúa). Gia đình thuộc dạng hộ nghèo và đang nợ tiền Nhà nước 19 triệu đồng (tiền mua đất nền trong khu dân cư).

Bà T.T.D, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, cha mẹ có 3 mẫu đất, nhưng vì là con gái lấy chồng nên không được chia. Gia đình bà không có đất sản xuất và cả đất thổ cư, phải làm nhà ở trên kênh. Bà cho biết những người ở nhà trên sông xung

quanh cũng là dân tại chỗ. Có người ngày xưa cũng được chia đất nhưng do đất phèn, không làm lúa được, lại nghèo không có vốn nên bán đất. Họ đa phần đi làm thuê, như giặm lúa, vác lúa mướn. Con gái bà đi làm công nhân trên thành phố, bà thì đi cấy giặm lúa thuê, lúc có việc lúc không, kinh tế bấp bênh.

Ở một khía cạnh khác của vấn đề, nghiên cứu của Martin Ravallion & Dominique van de Walle (2008, tr. 172) cho thấy “Tình trạng không có đất nông nghiệp có xu hướng gia tăng trong các hộ nghèo ở Việt Nam giai đoạn sau cải cách. Tuy nhiên, đây lại là một nhân tố tích cực thúc đẩy quá trình giảm nghèo ở Việt Nam nói chung, do nhiều hộ gia đình nông nghiệp nắm bắt được nhiều cơ hội mới, đặc biệt là làm thuê để được trả công”.

Kết luận trên cũng đúng trong một số trường hợp được phỏng vấn sâu. Đó là ở hộ gia đình ít ruộng đất hoặc không có ruộng đất, hoặc có ruộng đất nhưng con cái không thích làm ruộng đã có cơ hội đi làm công nhân ở TPHCM. “Hàng ngày xe của công ty rước đi làm từ sáng sớm, tối muộn đưa trở về nhà, lương tháng ổn định lại không phải ăn ở lại thành phố” (bà N.T.D, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường). Đây là cơ hội tốt để cải thiện kinh tế cho gia đình. Chính vì thế ông T.V.T xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường khi được hỏi về tình trạng không ruộng đất đã nói “Không có ruộng, nhưng nếu đi làm công nhân được thì

thu nhập cao hơn, sống thoải mái hơn người làm ruộng vì họ không cần suy nghĩ, lo lắng vì sợ mất mùa”.

#### 2.4. Tích tụ ruộng đất góp phần dẫn đến tình trạng phân hóa giàu nghèo ở nông thôn

Nhìn nhận một cách khách quan, khi đời sống của người nông dân chủ yếu vẫn phụ thuộc vào mảnh ruộng thì việc nhiều đất, ít đất hay không có đất

sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến kinh tế hộ gia đình. Vì thế tích tụ ruộng đất là một trong những yếu tố dẫn đến phân hóa giàu nghèo.

Số liệu Bảng 5 cho thấy, từ năm 2004 đến 2010, đối với hộ gia đình có sở hữu đất nông nghiệp ở nhóm nghèo nhất thì gần như không có hộ nào sở hữu quy mô đất từ 3ha trở lên (duy nhất năm 2008 có gần 1% hộ sở hữu).

Bảng 5: Cơ cấu diện tích đất của các nhóm hộ gia đình sở hữu đất nông nghiệp phân theo 5 nhóm thu nhập, %

Tây Nam Bộ	< 0,5 ha	0,5 - 1 ha	1 - 3 ha	> 3 ha
<b>Năm 2004</b>				
20% hộ nghèo nhất	70,13	20,78	9,09	0,00
20% hộ nghèo	57,89	29,32	12,78	0,00
20% hộ trung bình	40,00	34,19	25,81	0,00
20% hộ giàu	25,46	37,96	34,72	1,85
20% hộ giàu nhất	23,18	19,87	45,36	11,59
<b>Năm 2006</b>				
20% hộ nghèo nhất	74,44	20,00	5,56	0,00
20% hộ nghèo	47,24	40,16	11,81	0,79
20% hộ trung bình	34,57	45,06	19,14	1,23
20% hộ giàu	33,01	30,62	34,45	1,91
20% hộ giàu nhất	20,22	27,80	35,38	16,61
<b>Năm 2008</b>				
20% hộ nghèo nhất	60,40	26,73	11,88	0,99
20% hộ nghèo	47,79	36,28	15,04	0,88
20% hộ trung bình	46,09	32,03	19,53	2,34
20% hộ giàu	39,49	26,15	32,82	1,54
20% hộ giàu nhất	22,70	18,42	40,13	18,75
<b>Năm 2010</b>				
20% hộ nghèo nhất	75,00	22,37	2,63	0,00
20% hộ nghèo	60,87	23,19	15,94	0,00
20% hộ trung bình	45,80	35,11	18,32	0,76
20% hộ giàu	42,22	26,67	26,67	4,44
20% hộ giàu nhất	24,72	23,60	38,95	12,73

Nguồn: *Khảo sát mức sống dân cư năm 2004, 2006, 2008, 2010* - Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả.

Ở quy mô dưới 0,5ha, luôn có từ trên 60% đến gần 80% số hộ trong nhóm nghèo nhất sở hữu. Ngược lại, ở nhóm giàu nhất, chỉ có từ 6,63% đến 24,72% số hộ sở hữu ở quy mô dưới 0,5ha, trong khi ở quy mô trên 3ha, có từ 11,59% đến 18,75% số hộ sở hữu. Từ đây cho thấy một xu thế những hộ giàu nhất là những hộ có nhiều đất nhất.

Sự phân hóa càng thấy rõ hơn khi nhìn vào diện tích đất trồng cây hàng năm trung bình phân theo 5 nhóm thu nhập hộ gia đình ở Bảng 6.

Nếu như năm 2004, ở Tây Nam Bộ nhóm nghèo nhất sở hữu trung bình 4.275m<sup>2</sup> đất, thì nhóm giàu nhất sở hữu trung bình đến 14.946 m<sup>2</sup>, gấp 3,5 lần. Sự chênh lệch này có xu hướng tăng lên qua các năm, lần lượt 2006 là

4,04 lần, 2008 là 3,64 lần và năm 2010 là 4,28 lần. Những con số này cho thấy xu hướng chênh lệch đất đai giữa nhóm hộ giàu nhất và nghèo nhất tăng lên. Mặt khác, nếu so với cả nước thì chênh lệch ở Tây Nam Bộ cao hơn trong tất cả các năm. Phải chăng đi đôi với tích tụ đất mạnh hơn thì khoảng cách giàu nghèo giữa người ít đất và người nhiều đất ở Tây Nam Bộ cũng lớn hơn.

Khảo sát của đề tài cho thấy đa số người không có ruộng đất hoặc ít ruộng đất có cuộc sống khó khăn, mặc dù họ cũng kiếm kế sinh nhai khác, nhưng thường vẫn bấp bênh. Chẳng hạn, trường hợp hộ bà T.T.B.C, xã Vĩnh Trị, Vĩnh Hưng, hộ bà T.T.D, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường đã đề cập ở trên. Ngược lại, những hộ

Bảng 6: Diện tích đất trung bình của hộ gia đình sở hữu đất trồng cây hàng năm phân theo 5 nhóm thu nhập

	Diện tích trung bình (m <sup>2</sup> )			
	2004	2006	2008	2010
Cả nước				
20% hộ nghèo nhất	3.561	3.406	3.276	3.596
20% hộ nghèo	4.285	4.982	4.789	4.594
20% hộ trung bình	4.929	5.084	5.273	4.712
20% hộ giàu	5.964	5.698	5.585	5.162
20% hộ giàu nhất	8.478	8.170	9.471	6.860
Chênh lệch hộ giàu nhất/ hộ nghèo nhất (lần)	2,38	2,40	2,89	1,91
Tây Nam Bộ				
20% hộ nghèo nhất	4.275	4131	5.173	3.352
20% hộ nghèo	5.041	6023	6.080	5.485
20% hộ trung bình	7.156	7032	7.006	6.312
20% hộ giàu	9.134	8.880	8.567	8.427
20% hộ giàu nhất	14.946	16.703	18.838	14.340
Chênh lệch hộ giàu nhất/ hộ nghèo nhất (lần)	3,50	4,04	3,64	4,28

Nguồn: *Khảo sát mức sống dân cư năm 2004, 2006, 2008, 2010* - Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả.

nghèo đa phần là những hộ không có đất. Hộ vừa thuộc hộ nghèo vừa không có đất là đối tượng đặc biệt của địa phương. Địa phương sẽ bị đánh giá công tác xóa đói giảm nghèo yếu và bị ảnh hưởng trong việc xét thi đua khen thưởng nếu để tình trạng hộ nghèo không đất. Do đó, có địa phương cấm dân không được bán hết đất, còn lại 1 công đất cũng là còn đất, để khỏi bị xếp vào hộ nghèo không đất. Đây là một thực tế được chia sẻ không chính thức bởi một cán bộ địa phương ở thị xã Kiến Tường.

Trong khi đó, người nhiều ruộng đất giàu có và kinh tế gia đình ngày càng có điều kiện phát triển, như trường hợp gia đình ông N.C.T, xã Vĩnh Bình, Vĩnh Hưng kể trên.

Về vấn đề này, Lê Thanh Sang và Bùi Thế Cường (2010, tr. 30) cũng có nhận định tương tự: Mặc dù quá trình tập trung ruộng đất nhiều hơn vào một số nông hộ để phát triển sản xuất nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động là phù hợp về mặt kinh tế, song một vấn đề đặt ra là ở mức độ nào quá trình này có thể làm tăng thêm các bất bình đẳng xã hội. Kết quả phân tích mối tương quan giữa mức sống và thay đổi mức sống với sự tăng giảm đất nông nghiệp của hộ gia đình ở Tây Nam Bộ sau 5 năm (theo khảo sát năm 2008) cho thấy, trong số 152 hộ có thay đổi đất nông nghiệp, gần 1/2 số hộ tăng thêm đất và tỷ lệ hộ này tập trung nhiều hơn ở nhóm những hộ có mức sống cao hơn. Ngược lại, khoảng 1/2 số hộ giảm đất và những hộ có mức sống thấp hơn

nằm nhiều hơn ở nhóm hộ có tỷ lệ giảm đất nông nghiệp. Cùng theo đó, những nhóm hộ cải thiện mức sống nhiều hơn so với 5 năm trước còn có tỷ lệ tăng thêm đất cao hơn cả, còn những nhóm hộ có mức sống kém hơn trước thì có tỷ lệ giảm đất nông nghiệp cao hơn những nhóm hộ còn lại.

Martin Ravallion & Dominique van de Walle (2008, tr. 172) cũng phát hiện “Có những dấu hiệu cho thấy sự xuất hiện của tình trạng phân biệt giai tầng tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam Việt Nam, mặc dù ở đây tỷ lệ nghèo đói vẫn giảm đi trong số các hộ gia đình không có đất”.

Như vậy, dường như chênh lệch về đất đai đã góp phần tạo ra chênh lệch về thu nhập, phân hóa giàu nghèo ở vùng Tây Nam Bộ, mặc dù cũng có ý kiến cho rằng có thể chênh lệch về thu nhập mới dẫn đến chênh lệch đất đai.

## 2.5. Tích tụ ruộng đất làm nảy sinh tâm lý khác nhau trong người dân

Bao đời nay người nông dân Tây Nam Bộ gắn bó với ruộng đất, dù có việc làm khác thì với họ đất đai vẫn là số một. Không có ruộng đất, người nông dân cảm thấy buồn, thiệt thòi và mặc cảm. Theo bà T.T.D, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường thì “Những người có ruộng dù ít vẫn hơn mình. Vì người ta làm ruộng thì có gạo ăn, thời gian rảnh thì đi làm thuê kiếm thêm thu nhập. Không có ruộng thấy buồn và thiệt thòi”. Thậm chí có hộ gia đình rơi vào tình cảnh bi đát, tâm lý bất mãn,

không muốn tiếp xúc với mọi người, rất khó khăn để phỏng vấn họ. Chẳng hạn hộ bà K.D xã Bình Tân, Kiến Tường. Hộ này chỉ có 1 công đất, theo một cán bộ xã giấu tên đã nói ở phần trên, thì hộ này không được bán hết đất để không bị liệt vào danh sách nghèo không đất, giữ thành tích cho xã. Chủ hộ này tỏ ra khá tiêu cực về cuộc sống.

Tuy nhiên, đa phần nông dân Tây Nam Bộ vẫn ủng hộ tích tụ ruộng đất, quan tâm lớn nhất của họ là làm sao có việc làm, có thu nhập. Khi sinh kế không dựa vào đất đai thì phải có sinh kế khác, ổn định và đảm bảo cuộc sống. "... không có ruộng mà đi làm công nhân được thì thu nhập cao hơn, sẽ sống thoải mái hơn người làm ruộng vì họ không cần suy nghĩ, lo lắng vì sợ mất mùa"( ông T.V.T xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường).

Ở khía cạnh tâm lý khác, khi hỏi những hộ gia đình không có đất hay ít đất suy nghĩ như thế nào về việc có những hộ tích tụ được nhiều đất và giàu có, thì những người được hỏi đều cho rằng "đó là việc bình thường, họ có khả năng thì họ mua ruộng đất". Hỏi thêm cô/chú/anh/chị có nghĩ là họ giống như những người địa chủ thời nay không, thì đều nhận được câu trả lời: không nghĩ họ là địa chủ vì họ mua đất bằng tiền của họ, không ép buộc ai, thuê người làm trả công đàng hoàng.

Đặc biệt đối với các hộ đã tích tụ được ruộng đất thì họ hoàn toàn ủng hộ và muốn được tạo điều kiện tích tụ hơn nữa. Về mặt tâm lý, khi hỏi họ

rằng có cảm thấy như vậy quá khác biệt với những người không đất, làm họ giống như là địa chủ hay không thì được trả lời rằng: "...mình luôn sống chan hòa với bà con lối xóm, giúp đỡ những người khó khăn hơn, thuê mướn lao động trả công xứng đáng và không nghĩ mình giống như địa chủ ngày xưa" (Ông N.C.T, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng).

### KẾT LUẬN

Ruộng đất và tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ hiện là vấn đề nóng và được quan tâm, bởi đây là vùng đất nông nghiệp trù phú rộng lớn nhất và có hoạt động tích tụ ruộng đất sôi động nhất cả nước. Nghiên cứu chỉ ra tích tụ ruộng đất đã tác động đến đời sống kinh tế xã hội của vùng trên nhiều mặt. Tích tụ ruộng đất đã góp phần nâng cao đời sống kinh tế hộ gia đình, thậm chí những hộ tích tụ được ruộng đất ngày càng giàu thêm. Nhưng tích tụ ruộng đất đã gây ra sự chênh lệch về sở hữu đất đai, từ đó có thể gây ra chênh lệch về thu nhập, góp phần tạo ra khoảng cách giàu nghèo. Không những thế tích tụ ruộng đất còn làm mất đi sinh kế truyền thống của người dân nông thôn, gây tâm lý mặc cảm, thất vọng, bất mãn ở một số trường hợp. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy đa số người dân vẫn ủng hộ tích tụ ruộng đất. Người mất đất ủng hộ tích tụ với điều kiện có việc làm phi nông nghiệp ổn định. Người tích tụ được ruộng đất thì mong muốn được tạo điều kiện để phát triển sản xuất và tích tụ nhiều hơn nữa.

Như vậy, vấn đề là ở chỗ thúc đẩy tích tụ ruộng đất phải đi đôi với giải quyết những ảnh hưởng về mặt xã hội mà nó tạo ra. Có như vậy kinh tế nông nghiệp Tây Nam Bộ mới có thể phát triển một cách hiệu quả và bền vững. □

### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Tính toán theo số liệu *Niên giám thống kê* 2013.

<sup>(2)</sup> Khảo sát thực địa được tiến hành vào tháng 9/2013 tại ba địa bàn: huyện Vĩnh Hưng, thị xã Kiến Tường và huyện Đức Hòa tỉnh Long An. Mỗi huyện chọn ra hai xã, mỗi xã chọn một ấp theo tiêu chí thuận tiện để khảo sát. Trong mỗi ấp, chọn có chủ đích hai hộ gia đình tích tụ được nhiều ruộng đất nhất và hai hộ có diện tích ruộng đất ít nhất hoặc không có đất sản xuất để tiến hành phỏng vấn sâu. Như vậy tổng số hộ phỏng vấn sâu là 24 hộ. Ngoài ra, nghiên cứu cũng lựa chọn 2 nhóm (mỗi nhóm 5 người) gồm các chủ hộ tích tụ được nhiều ruộng đất cùng sinh sống trong một ấp để thực hiện phỏng vấn nhóm. Nghiên cứu cũng thực hiện 16 cuộc phỏng vấn với các đối tượng là cán bộ phụ trách nông nghiệp nông thôn, cán bộ khuyến nông từ cấp tỉnh đến cấp xã.

<sup>(3)</sup> Năm 2010: Hộ được xác định là không có đất khi hộ đó không có quyền sử dụng loại đất nào khác ngoài đất thổ cư. Năm 2012: Hộ được xác định là không có đất khi hộ đó không có quyền sử dụng loại đất nông nghiệp nào.

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ánh Tuyết. 2013. *Để nông dân đồng bằng sông Cửu Long thoát nghèo*. Bài 1: *Nghèo ngay trên vựa lúa*, <http://www.nhandan.com.vn/>, ngày 13/8/2013.
2. Martin Ravallion & Dominique van de Walle. 2008. *Đất đai trong thời kỳ chuyển đổi: Cải cách và nghèo đói ở nông thôn Việt Nam*. World Bank. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
3. Lê Thanh Sang & Bùi Thế Cường. 2010. *Phân bố và chuyển dịch đất nông nghiệp của hộ gia đình ở Tây Nam Bộ*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 4.
4. Tổng cục Thống kê. *Niên giám thống kê 2013*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
5. Lâm Quang Huyền. 2002. *Nông nghiệp nông thôn Nam Bộ hướng tới thế kỷ 21*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.